

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIỀN SƠN HÀ TÂY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIỀN SƠN HÀ TÂY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 31
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1401/QĐ-UB ngày 10/12/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tây, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Xã Hồng Quang - Huyện Ứng Hòa - Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Hoàng Thị Hiền	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Nhậm	Phó Chủ tịch
Ông Trương Mạnh Biên	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Công Bính	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thế Nhậm	Giám đốc
Ông Trương Mạnh Biên	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Hà	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Danh Lệ	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hữu Khương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;

Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Địa chỉ: Xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Thế Nhậm

Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2017

Số: 1334/2017/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây được lập ngày 05 tháng 04 năm 2017, từ trang 6 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong năm, Công ty đang tính thiếu giá xuất kho đối với thành phẩm với số tiền 1.046.140.301 VND. Điều này dẫn đến chỉ tiêu Hàng tồn kho (Mã số 141) và chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2016 phản ánh thừa và chỉ tiêu Giá vốn hàng bán (Mã số 11) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng năm 2016 phản ánh thiếu số tiền tương ứng.

Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty con dựa trên báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm 31/12/2016 với số tiền là 1.149.833.874 VND. Điều này dẫn đến chỉ tiêu Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Mã số 254) và chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán riêng của Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây tại ngày 31/12/2016 đang phản ánh thừa và chỉ tiêu Chi phí tài chính (Mã số 22) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây năm 2016 đang phản ánh thiếu số tiền tương ứng.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày trong báo cáo tài chính, Lỗ lũy kế của Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây tại ngày 31/12/2016 là 23.662.482.086 VND. Dấu hiệu này cho thấy tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì các lý do đã được trình bày tại Thuyết minh số 1.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2017

Trần Thị Mai Hương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0593-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		27.042.303.726	27.515.628.669
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	178.241.233	515.676.172
111	1. Tiền		178.241.233	515.676.172
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		17.872.714.223	18.628.550.381
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	17.365.530.965	18.722.215.608
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		254.059.851	186.744.345
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	848.326.000	935.550.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	2.485.808.595	1.865.051.616
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.081.011.188)	(3.081.011.188)
140	III. Hàng tồn kho	8	8.964.923.376	8.349.531.741
141	1. Hàng tồn kho		8.964.923.376	8.349.531.741
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		26.424.894	21.870.375
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	21.870.375
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	26.424.894	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.254.286.185	6.577.461.239
220	I. Tài sản cố định		783.188.738	1.254.795.254
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	783.188.738	1.254.795.254
222	- Nguyên giá		46.252.903.290	46.252.903.290
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(45.469.714.552)	(44.998.108.036)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		253.363.640	253.363.640
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	253.363.640	253.363.640
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	11	1.295.147.319	1.355.215.617
251	1. Đầu tư vào công ty con		4.500.000.000	4.500.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.204.852.681)	(3.144.784.383)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		3.922.586.488	3.714.086.728
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	479.665.354	186.832.907
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		3.442.921.134	3.527.253.821
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		33.296.589.911	34.093.089.908

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		14.684.881.371	13.960.904.677
310	I. Nợ ngắn hạn		14.684.881.371	13.960.904.677
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	4.207.721.034	4.014.180.907
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	3.803.928.106	3.753.855.766
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	782.040.893	861.900.471
314	4. Phải trả người lao động		85.744.124	357.324.124
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	26.885.610	175.265.655
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	4.384.304.048	2.940.450.198
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	1.050.000.000	1.500.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		344.257.556	357.927.556
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		18.611.708.540	20.132.185.231
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	18.611.708.540	20.132.185.231
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		29.361.400.000	29.361.400.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		29.361.400.000	29.361.400.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		894.000.000	894.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		12.018.790.626	12.018.790.626
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(23.662.482.086)	(22.142.005.395)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(22.142.005.395)	(18.165.761.053)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(1.520.476.691)	(3.976.244.342)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		33.296.589.911	34.093.089.908



Nguyễn Thế Nhậm

Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2017

Đinh Văn Duy

Phụ trách kế toán kiêm người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(1.520.476.691)	(3.976.244.342)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		604.043.754	479.995.818
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		471.606.516	580.002.045
03	- Các khoản dự phòng		60.068.298	(159.098.554)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(25.221.821)	(264.905.808)
06	- Chi phí lãi vay		97.590.761	323.998.135
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(916.432.937)	(3.496.248.524)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		655.077.192	8.623.247.641
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(531.058.948)	689.700.532
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.187.646.694	(2.241.348.948)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(270.962.072)	(22.355.362)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(97.590.761)	(330.231.468)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.800.000	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(13.670.000)	(25.075.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		14.809.168	3.197.688.871
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	163.636.364
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		87.224.000	151.210.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.531.893	1.110.444
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		97.755.893	315.956.808
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.250.000.000	1.500.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.700.000.000)	(4.600.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(450.000.000)	(3.100.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(337.434.939)	413.645.679
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		515.676.172	102.030.493
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	178.241.233	515.676.172



Nguyễn Thế Nhậm

Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2017

Đinh Văn Duy

Phụ trách kế toán kiêm người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1401/QĐ-UB ngày 10/12/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tây, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty tại : Xã Hồng Quang - Huyện Ứng Hòa - Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là : 29.361.400.000 đồng (Bằng chữ : Hai mươi chín tỷ ba trăm sáu mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng), tương đương 2.936.140 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất xi măng, clinker, vật liệu xây dựng;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi;
- Khai thác, chế biến đá.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin về các công ty con của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 12.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tính đến ngày 31/12/2016, lỗ lũy kế của Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây là 23.662.482.086 VND. Tuy nhiên, Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện kế hoạch tái cơ cấu một cách toàn diện như: Cắt giảm lao động dôi dư, tiết kiệm chi phí, nỗ lực cải tiến kỹ thuật, hiện đại hóa công nghệ sản xuất xi măng... nên tình hình tài chính của Công ty sẽ được cải thiện trong thời gian tới. Do đó, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là hoàn toàn phù hợp.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty con được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào kết quả đánh giá của hội đồng đánh giá khả năng thu hồi công nợ của Công ty.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền năm. Năm 2016, công ty đã thực hiện chuyển đổi phương pháp tính giá xuất kho từ phương pháp bình quân gia quyền tháng sang phương pháp bình quân gia quyền năm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 07 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Các tài sản khác	06 năm

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả như tiền điện nước... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là Chiết khấu thương mại.

Các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau mới phát

sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	54.784.952	486.699.411
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	123.456.281	28.976.761
	178.241.233	515.676.172

4. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty TNHH Tiên Sơn	4.601.862.693	4.434.014.213
- Ông Trình - UBND Xã Đồng Tân	1.097.848.858	1.420.110.893
- UBND Xã Phương Tú	633.115.150	1.064.122.650
- UBND Xã Liên Bạt	-	980.671.349
- Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hà Tây	11.640.440	848.451.880
- UBND Xã Tảo Dương Văn	668.559.775	668.559.775
- Các khoản phải thu khách hàng khác	10.352.504.049	9.306.284.848
	17.365.530.965	18.722.215.608
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 36)	4.601.862.693	4.434.014.213

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ông Vương Hồng Phong	472.087.000	472.087.000
Ông Đào Huy Hoàng	309.728.000	319.728.000
Cho các đối tượng khác vay	66.511.000	143.735.000
	848.326.000	935.550.000

Là khoản cho các cán bộ trong công ty vay để mua phương tiện phục vụ vận chuyển cho công ty với lãi suất: 1,2% - 2%/năm. Khoản vay sẽ được trừ dần vào chi phí vận chuyển.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	120.474.000	-	122.274.000	-
Phải thu người lao động tiền tạm ứng	1.158.302.872	-	1.057.279.852	-
Phải thu BHXH, thuế TNCN người lao động	1.006.333.084	-	498.263.962	-
Phải thu BHXH tiền chi ốm đau, thai sản	66.838.425	-	67.080.425	-
Dự thu lãi tiền gửi	14.689.928	-	-	-
Các khoản phải thu khác	119.170.286	-	120.153.377	-
	2.485.808.595	-	1.865.051.616	-

7. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/16		01/01/16	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Ông Trình - UBND Xã Đồng Tân	1.097.848.858	683.480.010	1.420.110.893	683.480.010
Nguyễn Hà Tráng	310.910.000	-	310.910.000	-
UBND Xã Tào Dương Văn	668.559.775	-	668.559.775	-
Các đối tượng khác	4.040.309.560	2.353.136.995	1.949.261.496	584.350.966
	6.117.628.193	3.036.617.005	4.348.842.164	1.267.830.976

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	714.873.455	-	638.092.982	-
Công cụ, dụng cụ	1.142.602.183	-	1.484.821.334	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ^[1]	4.974.067.490	-	4.818.829.774	-
Thành phẩm	2.133.380.248	-	1.407.787.651	-
	8.964.923.376	-	8.349.531.741	-

^[1] Bao gồm các công trình xây dựng cơ bản tồn từ năm 2012 với tổng số tiền là 4.749.954.515 VND. Hiện tại, các công trình trên đang trong giai đoạn nghiệm thu quyết toán với chủ đầu tư.

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	16.245.261.005	24.924.047.703	2.051.200.369	907.689.580	2.124.704.633	46.252.903.290
Số dư cuối năm	16.245.261.005	24.924.047.703	2.051.200.369	907.689.580	2.124.704.633	46.252.903.290
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	16.233.095.180	23.972.536.833	1.890.727.343	777.044.047	2.124.704.633	44.998.108.036
- Khấu hao trong năm	12.165.825	368.218.152	64.189.212	27.033.327	-	471.606.516
Số dư cuối năm	16.245.261.005	24.340.754.985	1.954.916.555	804.077.374	2.124.704.633	45.469.714.552
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	12.165.825	951.510.870	160.473.026	130.645.533	-	1.254.795.254
Tại ngày cuối năm	-	583.292.718	96.283.814	103.612.206	-	783.188.738

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 43.170.198.610 VND.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/16	01/01/16
	VND	VND
Chi phí khảo sát lập dự án đầu tư dây chuyền sản xuất xi măng lò quay ^[1]	253.363.640	253.363.640
	253.363.640	253.363.640

^[1] Dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất xi măng lò quay với công suất 1.000 tấn/ngày, tổng mức đầu tư là gần 400 tỷ đồng dự kiến hoàn thành vào năm 2012. Dự án đã được Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị thông qua nhưng hiện nay chưa triển khai các bước tiếp theo vì chủ đầu tư chưa đủ điều kiện về vốn.

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con				
- Công ty TNHH Tiên Sơn	4.500.000.000	(3.204.852.681)	4.500.000.000	(3.144.784.383)
	4.500.000.000	(3.204.852.681)	4.500.000.000	(3.144.784.383)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Tiên Sơn	Hà Nam	100%	100%	Khai thác, chế biến đá, sản xuất vật liệu xây dựng, bao bì, tấm lợp, gia công cơ khí, xây dựng công trình.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	472.829.271	-
Trợ cấp thôi việc	6.836.083	173.440.050
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	13.392.857
	479.665.354	186.832.907

13. PHẢI TRẢ NGÂN HÀNG NGƯỜI BÁN

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Dầu tư Xây dựng TSC Hà Nội	1.607.153.800	1.607.153.800	1.770.347.100	1.770.347.100
- Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Sơn Phát	540.659.049	540.659.049	-	-
- HTX Dịch vụ Vận tải 27/7 Ưông Bí Quảng Ninh	212.240.493	212.240.493	312.240.493	312.240.493
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thành Lộc	153.810.214	153.810.214	283.810.214	283.810.214
- Công ty TNHH Xi măng Vĩnh Sơn	-	-	258.122.448	258.122.448
- Công ty Kinh doanh than Hà Nội	74.094.228	74.094.228	154.094.228	154.094.228
- Công ty TNHH Phúc Hưng	111.612.472	111.612.472	120.873.472	120.873.472
- Phải trả cho các đối tượng khác	1.508.150.778	1.508.150.778	1.114.692.952	1.114.692.952
	4.207.721.034	4.207.721.034	4.014.180.907	4.014.180.907

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÂN HÀNG

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
UBND Huyện Ứng Hòa			2.274.806.000	2.274.806.000
UBND Xã Yên Mông, Thành phố Hòa Bình			769.208.789	769.208.789
Bà Phạm Thị Thành			212.333.334	212.333.334
Các khách hàng khác ứng trước			547.579.983	497.507.643
	3.803.928.106	3.803.928.106	3.753.855.766	3.753.855.766

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	216.329.482	590.266.399	833.020.775	26.424.894	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	157.052.133	-	-	-	157.052.133
Thuế thu nhập cá nhân	-	36.635.000	9.858.477	46.493.477	-	-
Thuế tài nguyên	-	36.936.200	(36.936.200)	-	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	185.951.300	150.027.200	58.800	-	335.919.700
Các loại thuế khác	-	201.093.700	510.644.670	437.602.940	-	274.135.430
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	27.902.656	18.054.000	31.023.026	-	14.933.630
	-	861.900.471	1.241.914.546	1.348.199.018	26.424.894	782.040.893

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền điện trích trước	26.885.610	105.265.655
Chi phí vận chuyển chưa có hóa đơn	-	70.000.000
	26.885.610	175.265.655

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	74.650.080	51.493.880
Bảo hiểm xã hội	2.365.502.182	1.054.852.862
Bảo hiểm y tế	48.945.563	25.061.774
Bảo hiểm thất nghiệp	33.483.179	11.193.450
Phải trả về cổ phần hóa	826.350.000	826.350.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.035.373.044	971.498.232
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	72.858.390	72.858.390
- Phải trả tiền tạm ứng	37.083.524	41.282.712
- Phải trả tiền ăn ca, tiền độc hại	97.378.836	11.219.836
- Phải trả Nguyễn Chiến Thắng - Công trình Tảo Khê	738.651.906	738.651.906
- Phải trả Trịnh Văn Hùng - Lái xe	22.080.441	28.307.441
- Phải trả, phải nộp khác	67.319.947	79.177.947
	4.384.304.048	2.940.450.198

18. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Bà Đặng Thị Lan	1.500.000.000	1.500.000.000	1.150.000.000	2.650.000.000	-	-
Bà Lê Kim Chi ^[1]	-	-	1.100.000.000	50.000.000	1.050.000.000	1.050.000.000
	1.500.000.000	1.500.000.000	2.250.000.000	2.700.000.000	1.050.000.000	1.050.000.000

^[1] Theo hợp đồng vay vốn tín chấp giữa bà Lê Kim Chi và Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây, lãi suất vay 1%/tháng trong vòng 1 năm.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	29.361.400.000	894.000.000	12.018.790.626	(18.165.761.053)	24.108.429.573
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(3.976.244.342)	(3.976.244.342)
Số dư cuối năm trước	29.361.400.000	894.000.000	12.018.790.626	(22.142.005.395)	20.132.185.231
Số dư đầu năm nay	29.361.400.000	894.000.000	12.018.790.626	(22.142.005.395)	20.132.185.231
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(1.520.476.691)	(1.520.476.691)
Số dư cuối năm nay	29.361.400.000	894.000.000	12.018.790.626	(23.662.482.086)	18.611.708.540

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	Tỷ lệ	01/01/2016	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	8.507.000.000	28,97%	8.507.000.000	28,97%
Bà Hoàng Thị Hiền	5.613.000.000	19,12%	5.613.000.000	19,12%
Ông Nguyễn Thế Nhậm	1.514.000.000	5,16%	1.514.000.000	5,16%
Các cổ đông khác	13.727.400.000	46,75%	13.727.400.000	46,75%
Cộng	29.361.400.000	100%	29.361.400.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	29.361.400.000	29.361.400.000
- Vốn góp đầu năm	29.361.400.000	29.361.400.000
- Vốn góp cuối năm	29.361.400.000	29.361.400.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.936.140	2.936.140
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.936.140	2.936.140
- Cổ phiếu phổ thông	2.936.140	2.936.140
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.936.140	2.936.140
- Cổ phiếu phổ thông	2.936.140	2.936.140
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	12.018.790.626	12.018.790.626
	12.018.790.626	12.018.790.626

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2016	01/01/2016
Nợ khó đòi đã xử lý	96.447.000	96.447.000

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	21.131.094.600	19.016.605.350
	21.131.094.600	19.016.605.350

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1.928.868.781	819.196.100
	1.928.868.781	819.196.100

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	15.262.256.348	18.784.422.128
	15.262.256.348	18.784.422.128

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	25.221.821	101.269.444
	25.221.821	101.269.444

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	97.590.761	323.998.135
Dự phòng tổn thất đầu tư	60.068.298	375.837.072
	157.659.059	699.835.207

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	85.866.000	185.760.000
Chi phí khác bằng tiền	2.122.823.064	671.569.640
	2.208.689.064	857.329.640

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	784.200.778	1.053.984.738
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.199.152	84.123.208
Thuế, phí và lệ phí	166.384.677	68.987.800
Hoàn nhập dự phòng	-	(534.935.626)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	106.601.076	152.995.762
Chi phí khác bằng tiền	985.845.447	1.306.066.543
	2.082.231.130	2.131.222.425

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	163.636.364
Thu từ thanh lý Công cụ dụng cụ	37.000.000	-
Tiền cho thuê xe, tiền điện sinh hoạt, thu nhập khác	-	34.250.000
	37.000.000	197.886.364

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản chậm nộp thuế, bảo hiểm	1.074.088.730	-
	1.074.088.730	-

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(1.520.476.691)	(3.976.244.342)
Các khoản điều chỉnh tăng	1.074.088.730	1.744.551
- Chi phí loại trừ khi tính thuế TNDN	1.074.088.730	1.744.551
Thu nhập chịu thuế TNDN	(446.387.961)	(3.974.499.791)
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	157.052.133	157.052.133
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	157.052.133	157.052.133

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.096.847.022	13.334.204.813
Chi phí nhân công	3.394.795.978	4.262.081.184
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	270.676.403	229.361.149
Chi phí khấu hao tài sản cố định	471.606.516	580.002.045
Thuế, phí và lệ phí	166.384.677	68.987.800
Hoàn nhập dự phòng	-	(534.935.626)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.293.921.954	1.803.647.301
Chi phí khác bằng tiền	3.739.774.305	1.855.402.070
	20.434.006.855	21.598.750.736

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	178.241.233	-	515.676.172	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.851.339.560	(3.081.011.188)	20.587.267.224	(3.081.011.188)
Các khoản cho vay	848.326.000	-	935.550.000	-
	20.877.906.793	(3.081.011.188)	22.038.493.396	(3.081.011.188)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	1.050.000.000	1.500.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	8.592.025.082	6.954.631.105
Chi phí phải trả	26.885.610	175.265.655
	9.668.910.692	8.629.896.760

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	178.241.233	-	-	178.241.233
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.770.328.372	-	-	16.770.328.372
Các khoản cho vay	848.326.000	-	-	848.326.000
Cộng	17.796.895.605	-	-	17.796.895.605
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	515.676.172	-	-	515.676.172
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.506.256.036	-	-	17.506.256.036
Các khoản cho vay	935.550.000	-	-	935.550.000
Cộng	18.957.482.208	-	-	18.957.482.208

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	1.050.000.000	-	-	1.050.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	8.592.025.082	-	-	8.592.025.082
Chi phí phải trả	26.885.610	-	-	26.885.610
	9.668.910.692	-	-	9.668.910.692
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	1.500.000.000	-	-	1.500.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	6.954.631.105	-	-	6.954.631.105
Chi phí phải trả	175.265.655	-	-	175.265.655
	8.629.896.760	-	-	8.629.896.760

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.250.000.000	1.500.000.000
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	2.700.000.000	4.600.000.000

34. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Gạch	Xi măng	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	8.006.109.695	11.196.116.124	19.202.225.819
Giá vốn hàng bán	4.905.122.534	10.357.133.814	15.262.256.348
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.100.987.161	838.982.310	3.939.969.471
Tài sản bộ phận	13.882.565.168	19.414.024.743	33.296.589.911
Tổng tài sản	13.882.565.168	19.414.024.743	33.296.589.911
Nợ phải trả của các bộ phận	6.122.663.707	8.562.217.664	14.684.881.371
Tổng nợ phải trả	6.122.663.707	8.562.217.664	14.684.881.371

Theo lĩnh vực địa lý

Trong năm, toàn bộ doanh thu thuần về bán hàng phát sinh tại khu vực miền Bắc, do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và sổ dư tại ngày kết thúc năm kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng			
Công ty TNHH Tiên Sơn	Công ty con	992.727	-
Mua hàng			
Công ty TNHH Tiên Sơn	Công ty con	26.545.457	307.297.273
Sổ dư tại ngày kết thúc năm kế toán năm:			
	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty TNHH Tiên Sơn	Công ty con	4.601.862.693	4.434.014.213

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	353.400.000	470.189.000

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thế Nhậm

Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2017

Đinh Văn Duy

Phụ trách kế toán kiêm người lập biểu



HÃNG KIỂM TOÁN AASC

AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH

T: (84) 4 3824 1990 | **F:** (84) 4 3825 3973

E: aaschn@hn.vnn.vn

A: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

AASC TẠI TP HỒ CHÍ MINH

T: (84) 8 3945 0505 – (84) 8 3945 0606 | **F:** (84) 8 3945 1106

E: aaschcm@aasc.com.vn

A: Lầu 03, Tòa nhà Galaxy 9, số 09 Nguyễn Khoái, Phường 01, Quận 04, Tp. Hồ Chí Minh

AASC TẠI QUẢNG NINH

T: (84) 33 3627 571 | **F:** (84) 33 3627 572

E: aascqn@aasc.com.vn

A: Số 8 Chu Văn An, Hạ Long, Quảng Ninh